

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Sodium Chlorite		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 7758-19-2 Số UN: 1496 Số đăng ký EC: chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại : chưa có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác : chưa có thông tin			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Sodium Chlorite - Tên thương mại: Natri Clorit - Tên khác (không là tên khoa học):		Mã sản phẩm : chưa có thông tin Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
- Mục đích sử dụng: Xử lý nước thải công nghiệp			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Natri Clorit	7758-19-2	NaClO ₂	80%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Tỷ lệ SAF –TDATA (để tham khảo): Tiếp xúc: 4 – Rất cao (ăn mòn); Sức khỏe: 3 – Cao (Độc) Dễ cháy: 0 – Không cháy; Phản ứng : 2 – Trung bình; 2. Cảnh báo nguy hiểm - Tổng quan: Chất độc! Nguy hiểm! Chất khử trùng. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín, Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, Tránh xa nơi có thể gây cháy. Sản phẩm phải chống lại axit. Không trộn cùng axit và chất hữu cơ. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Chất ăn mòn, Hơi nước gây kích ứng và có thể gây tổn thương mắt. Tiếp xúc có thể bỏng nặng và gây tổn thương mắt vĩnh viễn;; - Đường thở: Hít phải hơi có thể gây ra ho; - Đường da: Gây dị ứng, đỏ rát hoặc bỏng nặng hoặc tạo thành sẹo. Dung dịch đặc có thể gây loét sâu và làm mất màu da; - Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải có thể gây nguy hiểm cấp tính, cháy miệng, họng, thực quản, dạ dày – ruột, có thể gây ra nhiều sẹo; - Đường tiết sữa; Chưa có thông tin;			

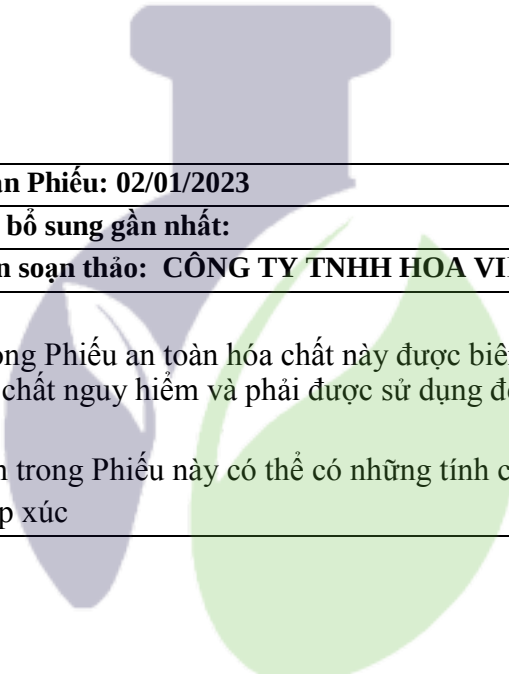
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ	
1. Trojờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đờng mắt (bị văng, dây vào mắt)	Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sỹ ngay lập tức.
2. Trojờng hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):	Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hóa chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kỹ lưỡng bằng một lượng lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sỹ ngay lập tức.
3. Trojờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đờng hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):	Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở oxy. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay đến bệnh viện gần nhất.
4. Trojờng hợp tai nạn theo đờng tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):	Nếu nuốt phải, không được nôn ra, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc sữa. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ thứ gì vật gì. Ngay lập tức chuyển đến bác sỹ.
5. Lưu ý đối với bác sỹ điều trị (nếu có) :	chưa có thông tin
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÓA HOẠN	
1. Xếp loại về tính cháy (không cháy)	
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy	Chất này khi nung chảy mạng hoặc tiếp xúc với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (Không được coi là chất dễ nổ.	
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác	Sử dụng nước phun. Trung hòa với soda khan hoặc vôi đá tôi.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	
Mặc áo quần bảo hộ;	
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) :	Có thể phản ứng mạnh với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy.
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ	
1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ	Làm thông thoáng nơi rò rỉ hoặc tràn ra. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Ngăn chặn sự tràn thêm của hóa chất này. Cô lập vùng bị tràn hóa chất nguy hiểm. Cấm người không phân sự vào. Lấy lại hóa chất tràn đổ nếu có thể. Không để tràn hóa chất vào cống thoát nước. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân, Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng	Làm thông thoáng nơi tràn ra. Cô lập vị trí xảy ra sự cố hóa chất, Sử dụng phương tiện ứng phó như đồ hút, chổi chuyên dụng để thu gom lượng hóa chất tràn đổ. Không để tràn hóa chất vào cống thoát nước. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân.
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ	
1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)	Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ rò rỉ trong khu vực làm việc. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề cần phải được sử dụng khi tiếp xúc với NaClO ₂ ;

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)	
Lưu trữ trong thùng kín, Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, Tránh xa nơi có thể gây cháy. Sàn nhà phải chống lại axit. Không trộn cùng axit và chất hữu cơ.	
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN	
1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) Sử dụng hệ thống thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí: Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA: $2\text{mg}/\text{m}^3$ tối đa; ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: $2\text{mg}/\text{m}^3$ (TWA) tối đa	
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc	
- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ; - Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay; - Bảo vệ tay: Găng tay chống hóa chất; - Bảo vệ chân: Ủng chống hóa chất.	
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố	
4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)	
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý; Tinh thể	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): $180\text{-}200^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: Màu trắng hoặc tinh đục	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: Mùi hăng	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 190 ở 25°C	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn; >1	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: Tan vô hạn trong nước tỏa nhiệt mạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH: Đối với dung dịch	Tỷ lệ hóa hơi: % bay hơi theo thể tích ở 100°C
Khối lượng riêng (kg/m^3)	Trọng lượng phân tử: $90,44\text{g}/\text{mol}$
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
1. Tính ổn định (Ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường)	
2. Khả năng phản ứng:	
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Khi được nung nóng tới nhiệt độ phân hủy sinh ra khí độc HCl sẽ phản ứng với nước hay hơi sinh ra nhiệt, khí độc, khí ăn mòn. Trong quá trình phân hủy oxy hóa nhiệt sẽ sinh ra khí độc Clo và khí Hydro dễ nổ.;	
- Các chất có phản ứng tương khắc: Các bazo, kim loại, hydroxit, cacbonat. Nguyên liệu có tính kiềm khác.	
- Phản ứng trùng hợp: Không xảy ra	

2. Tác động trong môi trường - Mức độ phân hủy sinh học: Hóa chất có thể ngấm vào mạch nước ngầm - Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin						
XI. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Tuân thủ theo Luật Hóa chất và các văn bản pháp luật hướng dẫn khác 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải; 80 3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : chưa có thông tin						
XII. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định	1496		8	Đóng thùng sắt		Chất khử trùng

HOA VIỆT
Chemgroup

Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Tỷ lệ NFPA: Sức khỏe: 3; Phản ứng :1; Dễ cháy: 0						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						



HOA VIỆT
Chemgroup